

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 161/2023/DS-ST
Ngày: 05/9/2023
V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hồng;

Ông Trịnh Văn Bé.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Thiện, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 510/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Hoàng O, sinh năm 1991; địa chỉ: số F, ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1997; địa chỉ: số E, tổ A, ấp A, thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 13/02/2023); có mặt.

2. **Bị đơn:**

- Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1982; địa chỉ: hộ khẩu thường trú ở tổ I, ấp P, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay là số 142, tổ G, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; có văn bản xin vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị Diễm T1, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ G, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1938; địa chỉ: số B, tổ G, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt;

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O trình bày: do là chị em quen biết với nhau vào ngày 30/12/2015 mẹ bà O là bà Nguyễn Thị S (Xót) nay đã chết cho vợ chồng ông Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Diễm T1 vay mượn số tiền 300.000.000đồng, việc vay mượn giữa hai bên có làm biên nhận nợ theo tờ biên nhận ngày 30/12/2015; việc vay mượn tiền hai bên có thỏa thuận miệng với nhau sau 12 tháng ông T, bà T1 sẽ trả lại số tiền nợ gốc. Đến năm 2019, bà S mất, có nhiều lần bà O bà O yêu cầu ông T, bà T1 trả nợ nhưng ông bà hứa hẹn nhiều lần vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, dẫn đến phát sinh tranh chấp. Nay bà O yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Diễm T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho những người thừa kế của bà Nguyễn Thị S số tiền 300.000.000đồng; đồng thời, tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay mượn tiền là ngày 30/12/2015 cho đến khi giải quyết, xét xử vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Diễm T1 trình bày ý kiến xác định là bà T1 và ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1982; địa chỉ: số A, tổ G, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang vào thời điểm còn sống chung với nhau là có mượn của chị bà T1 là bà Nguyễn Thị S (Xót) số tiền 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng), số tiền mượn này bà T1 và ông T đã sử dụng để mua đất ở huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi chị bà T1 là Nguyễn Thị S (Xót) chết thì con là Lê Thị Hoàng O đến thỏa thuận với bà T1 nhưng không thành, hôm nay bà T1 mới biết được là khởi kiện yêu cầu trả vốn là 300.000.000đồng, bà T1 đồng ý cùng với ông Huỳnh Thanh T trả tiền 300.000.000đồng cho những người thừa kế của Nguyễn Thị S (Xót); đối với số tiền lãi thì bà T1 không đồng ý trả vì đây là tiền mượn.

Ông Huỳnh Thanh T có lời khai xác định: ông T nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc Lê Thị Hoàng O là con của bà Nguyễn Thị S (X) khởi kiện đòi số tiền 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng), ông T xác định ông T có mượn của bà Nguyễn Thị S (Xót) số tiền 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng); số tiền mượn này ông T và vợ là Nguyễn Thị Diễm T1 đã mượn đã sử

dụng để mua đất ở huyện C, tỉnh An Giang. Hiện nay ông T và vợ là Nguyễn Thị Diễm T1 đã ly hôn, ông T đồng ý trả $\frac{1}{2}$ nợ cho bà Nguyễn Thị S (Xót) do con đại diện nhận. Về địa chỉ thì ông T có hộ khẩu thường trú ở tổ I, ấp P, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay là số 142, tổ G, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Về thủ tục tố tụng ông T xin được vắng mặt ở các phiên làm việc tiếp theo kể cả phiên tòa xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị L1 không gửi ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O xác định nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu của ông T trả $\frac{1}{2}$ nợ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 30/12/2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoàng O;
- Buộc bà Nguyễn Thị Diễm T1, ông Huỳnh Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị S gồm bà Trần Thị L, ông Lê Văn H và bà Lê Thị Hoàng O số tiền 300.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị Hoàng O khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng dân sự với ông Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Diễm T1. Ông T, bà T1 có nơi cư trú trên địa bàn huyện C. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định.

[2] Ông Huỳnh Thanh T có văn bản xin vắng mặt, bà Nguyễn Thị Diễm T1, ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị L1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Lê Thị Hoàng O yêu cầu ông Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Diễm T1 trả tiền nợ của mẹ là bà Nguyễn Thị S (Xót). Bà O là một trong những người thừa kế của bà Nguyễn Thị S (Xót) đứng đơn khởi kiện, cho nên Tòa án đưa ông Lê Văn H (chồng bà S), bà Nguyễn Thị L1 (mẹ bà S) là những người thừa kế của bà Nguyễn Thị S (X) vào tham gia tố tụng với tư cách là

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

[4] Bà Lê Thị Hoàng O khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Diễm T1 trả tiền nợ của mẹ bà O là bà Nguyễn Thị S (Xót) nay đã chết cho vợ chồng ông Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Diễm T1 vay mượn số tiền 300.000.000đồng, căn cứ khởi kiện là giấy nhận nợ của ông T (không ghi ngày). Theo văn bản đã xác định được bà S (X), ông T ký tên xác nhận tự nguyện giao kết, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà T1 đều xác nhận có mượn số tiền 300.000.000đồng của bà S (Xót), như vậy đã có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị S (Xót), ông Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Diễm T1 có giao dịch mượn tiền với nhau, theo quy định pháp luật Tòa án xác định đây là giao dịch vay tiền và nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự cho nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, do ông T, bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nên việc khởi kiện của ông O đòi ông T, bà T1 trả tiền là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Bà Lê Thị Hoàng O khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Diễm T1 cùng liên đới trả số tiền 300.000.000đồng; trong quá trình giải quyết vụ án, bà T1 trình bày ý kiến xác định là bà T1 đồng ý cùng với ông T trả tiền 300.000.000đồng cho những người thừa kế của Nguyễn Thị S (Xót); ông T xác định ông và bà T1 đã ly hôn nên đồng ý trả $\frac{1}{2}$ nợ, yêu cầu trả $\frac{1}{2}$ nợ của ông T không được nguyên đơn đồng ý. Xét thấy hợp đồng được giao kết là hoàn toàn tự nguyện, có lập văn bản phù hợp với Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015, ông T, bà T1 thống nhất số tiền còn nợ và đến nay chưa trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự cho nên Tòa án buộc ông T, bà T1 cùng liên đới trả tiền theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Bà Lê Thị Hoàng O khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Diễm T1 trả lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay mượn tiền là ngày 30/12/2015 cho đến khi giải quyết, xét xử vụ án. Thấy rằng, theo Biên nhận, các bên giao dịch không có thỏa thuận việc trả lãi; trong quá trình giải quyết vụ án ông T bà T1 trình bày đây là tiền mượn. Xét thấy, nguyên đơn xác định trước khi thực hiện việc khởi kiện, nguyên đơn không có văn bản đòi nợ đối với bị đơn, đã có cơ sở xác định việc nguyên đơn thực hiện việc đòi nợ thông qua đơn khởi kiện, căn cứ Điều 469 Bộ luật dân sự Tòa án xác định thời gian hợp lý để bị đơn trả nợ là nguyên đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý. Bà O khởi kiện đến Tòa án được thụ lý vụ án ngày 27/02/2023, căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự được hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 27/02/2023 đến ngày 05/9/2023 là 190 ngày, tiền lãi được tính là: $300.000.000\text{đồng} \times (10\%/năm) \times (10/100/365) \times 190\text{ ngày} = 15.616.000\text{đồng}$.

[7] Về án phí: Bà Lê Thị Hoàng O không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; ông Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Diễm T1 phải chịu án phí đối với phần buộc có nghĩa vụ theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 26, 35, 39, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 131, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoàng O và xử như sau:

1) Buộc ông Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Diễm T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị S (Xót) gồm bà Lê Thị Hoàng O, bà Trần Thị L và ông Lê Văn H số tiền 300.000.000đồng (Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi 15.616.000đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng).

2) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3) Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Hoàng O1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Lê Thị Hoàng O được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 7.500.000đồng (Bằng chữ: Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0013312 ngày 27/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ông Huỳnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Diễm T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.780.800đồng (Bằng chữ: mười lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng).

4) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hùng